

Số: /QĐ-SYT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung quy mô, phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh và điều chỉnh danh mục chuyên môn kỹ thuật thứ 01 đối với Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Hồ sơ của đơn vị và Biên bản thẩm định ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Đoàn thẩm định Về việc bổ sung quy mô, phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh và điều chỉnh danh mục chuyên môn kỹ thuật thứ 01 đối với Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy mô, phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh và danh mục chuyên môn kỹ thuật đối với Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn - Thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn. Số Giấy phép hoạt động Khám bệnh, chữa bệnh: 01438/ĐNA-GPHĐ do Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07 tháng 12 năm 2025 (Địa chỉ: Thôn La Tháp Tây, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng; Hình thức tổ chức: Phòng khám đa khoa).

- Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Ngoại khoa.

- Phê duyệt bổ sung 320 danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế, chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Quyết định này.

- Điều chỉnh giảm bớt 32 danh mục chuyên môn kỹ thuật thuộc Chương Phụ sản và Chương Vi sinh - ký sinh trùng đã được phê duyệt tại Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam về việc cấp giấy phép hoạt động, phê duyệt người chịu trách nhiệm chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn, chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Quyết định này.

- Điều chỉnh bố trí các phòng chuyên môn phù hợp với quy mô, phạm vi hoạt động được Sở Y tế phê duyệt¹.

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển cấp chuyên môn kỹ thuật, thanh toán chi phí khám chữa bệnh.

Điều 3. Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên thì đơn vị không được thực hiện các kỹ thuật đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng phòng Nghiệp vụ Y; Người chịu trách nhiệm chuyên môn Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Giám đốc Sở Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, NVY.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Văn Mười

¹ Chi tiết tại Biên bản thẩm định Về việc bổ sung quy mô, phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh và điều chỉnh danh mục chuyên môn kỹ thuật thứ 01 đối với Phòng khám đa khoa Mỹ Sơn ngày 11/6/2026 của Sở Y tế.

Phụ lục 01

**DANH MỤC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG
LẦN THỨ 01 ĐỐI VỚI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ SƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của
Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng)

TT	STT theo TT 23/2024/ TT-BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1405	3.284	03. NHI KHOA	Sắc thuốc thang
2	1407	3.286	03. NHI KHOA	Đặt thuốc YHCT
3	1408	3.287	03. NHI KHOA	Bỏ thuốc
4	1413	3.292	03. NHI KHOA	Chích lẻ
5	1582	3.461	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị di chứng bại liệt
6	1583	3.462	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt chi trên
7	1584	3.463	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt chi dưới
8	1585	3.464	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt nửa người
9	1588	3.467	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa
10	1597	3.476	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
11	1599	3.478	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
12	1600	3.479	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị mất ngủ
13	1603	3.482	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rẽ, đám rối và dây thần kinh
14	1613	3.492	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
15	1616	3.495	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
16	1625	3.504	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác
17	1626	3.505	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đái dầm
18	1628	3.507	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
19	1633	3.512	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
20	1634	3.513	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
21	1635	3.514	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật
22	1638	3.517	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau do Zona

23	1643	3.522	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
24	1645	3.524	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh
25	1646	3.525	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp
26	1647	3.526	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị thoái hóa khớp
27	1648	3.527	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau lưng
28	1650	3.529	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
29	1651	3.530	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
30	1662	3.541	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị chứng ù tai
31	1673	3.552	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính
32	1675	3.554	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
33	1677	3.556	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị sụp mi
34	1680	3.559	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị lác
35	1681	3.560	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị giảm thị lực
36	1683	3.562	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị giảm thính lực
37	1684	3.563	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị thất ngôn
38	1686	3.565	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng
39	1705	3.584	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị chứng tic
40	1721	3.600	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư
41	1724	3.603	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt
42	1725	3.604	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
43	1726	3.605	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
44	1727	3.606	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người
45	1728	3.607	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa
46	1729	3.608	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
47	1731	3.610	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
48	1732	3.611	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
49	1737	3.616	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ

50	1738	3.617	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh
51	1742	3.621	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
52	1743	3.622	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
53	1745	3.624	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
54	1746	3.625	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
55	1747	3.626	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress
56	1749	3.628	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
57	1751	3.630	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
58	1756	3.635	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình
59	1763	3.642	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn
60	1767	3.646	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
61	1768	3.647	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hóa khớp
62	1769	3.648	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
63	1770	3.649	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau mỏi cơ
64	1771	3.650	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
65	1772	3.651	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
66	1775	3.654	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
67	1780	3.659	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác
68	1781	3.660	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái
69	1782	3.661	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật
70	1784	3.663	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não
71	1785	3.664	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
72	1786	3.665	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật
73	1789	3.668	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
74	1792	3.671	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau lưng thể hàn

75	1793	3.672	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn
76	1795	3.674	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn
77	1796	3.675	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
78	1797	3.676	03. NHI KHOA	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
79	1798	3.677	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt thể hàn
80	1799	3.678	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
81	1800	3.679	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
82	1801	3.680	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
83	1802	3.681	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn
84	1809	3.688	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
85	1810	3.689	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
86	1814	3.693	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
87	1816	3.695	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
88	1817	3.696	03. NHI KHOA	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
89	1927	3.806	03. NHI KHOA	Tập dưỡng sinh
90	1928	3.807	03. NHI KHOA	Xoa bóp cục bộ bằng tay
91	1929	3.808	03. NHI KHOA	Xoa bóp toàn thân bằng tay
92	1932	3.811	03. NHI KHOA	Tập vận động có trợ giúp
93	1934	3.813	03. NHI KHOA	Xoa bóp
94	1935	3.814	03. NHI KHOA	Tập ho
95	1936	3.815	03. NHI KHOA	Tập thở
96	1940	3.819	03. NHI KHOA	Kỹ thuật thay đổi tư thế lẫn trở khi nằm
97	1941	3.820	03. NHI KHOA	Tập vận động chủ động
98	1942	3.821	03. NHI KHOA	Tập vận động có kháng trở
99	1943	3.822	03. NHI KHOA	Tập vận động thụ động
100	1944	3.823	03. NHI KHOA	Đo tầm vận động khớp
101	1946	3.825	03. NHI KHOA	Thử cơ bằng tay
102	1948	3.827	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo-massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo
103	2010	3.889	03. NHI KHOA	Tập do cứng khớp
104	2011	3.890	03. NHI KHOA	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động

105	2012	3.891	03. NHI KHOA	Tập do liệt thần kinh trung ương
106	2017	3.896	03. NHI KHOA	Tập vận động cột sống
107	2020	3.899	03. NHI KHOA	Tập cho trẻ dị tật tay/chân
108	2021	3.900	03. NHI KHOA	Tập vận động tại giường
109	2022	3.901	03. NHI KHOA	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi
110	2023	3.902	03. NHI KHOA	Tập với hệ thống ròng rọc
111	2027	3.906	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh
112	2109	3.988	03. NHI KHOA	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay
113	3195	3.2077	03. NHI KHOA	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
114	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
115	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
116	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
117	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
118	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
119	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
120	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
121	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
122	5950	8.15	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
123	5957	8.22	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Sắc thuốc thang
124	5960	8.25	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Đặt thuốc YHCT
125	5961	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bỏ thuốc
126	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
127	5963	8.28	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Luyện tập dưỡng sinh
128	6213	8.278	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
129	6215	8.280	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính

130	6216	8.281	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng stress
131	6220	8.285	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
132	6221	8.286	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em
133	6224	8.289	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
134	6227	8.292	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
135	6231	8.296	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
136	6232	8.297	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
137	6233	8.298	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
138	6235	8.300	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
139	6236	8.301	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt chi trên
140	6242	8.307	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
141	6248	8.313	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
142	6249	8.314	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị ù tai
143	6250	8.315	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm khứu giác
144	6251	8.316	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
145	6252	8.317	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
146	6253	8.318	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
147	6255	8.320	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
148	6256	8.321	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
149	6257	8.322	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông
150	6259	8.324	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị mất ngủ
151	6265	8.330	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não

152	6271	8.336	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
153	6275	8.340	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
154	6285	8.350	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đái dầm
155	6286	8.351	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
156	6287	8.352	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau vai gáy
157	6290	8.355	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
158	6291	8.356	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
159	6292	8.357	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
160	6300	8.365	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt chi trên
161	6301	8.366	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
162	6302	8.367	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sụp mi
163	6306	8.371	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
164	6307	8.372	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
165	6310	8.375	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
166	6311	8.376	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
167	6312	8.377	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
168	6313	8.378	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau lưng
169	6324	8.389	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
170	6325	8.390	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
171	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
172	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông
173	6328	8.393	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não

174	6330	8.395	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
175	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
176	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
177	6335	8.400	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
178	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác
179	6337	8.402	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ
180	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
181	6342	8.407	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
182	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
183	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
184	6345	8.410	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress
185	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
186	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
187	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V
188	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
189	6350	8.415	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi
190	6351	8.416	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
191	6352	8.417	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng
192	6353	8.418	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực
193	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình
194	6355	8.420	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực
195	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang

196	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn
197	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
198	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp
199	6365	8.430	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
200	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
201	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
202	6368	8.433	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt
203	6369	8.434	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
204	6374	8.439	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
205	6375	8.440	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa
206	6376	8.441	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông
207	6380	8.445	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
208	6381	8.446	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
209	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật
210	6383	8.448	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư
211	6384	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
212	6385	8.450	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng phân ly
213	6386	8.451	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn
214	6387	8.452	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
215	6391	8.456	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
216	6392	8.457	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
217	6393	8.458	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn

218	6394	8.459	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
219	6395	8.460	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
220	6396	8.461	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
221	6397	8.462	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
222	6398	8.463	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
223	6402	8.467	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn
224	6403	8.468	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị bí đái thể hàn
225	6407	8.472	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
226	6408	8.473	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
227	6409	8.474	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
228	6410	8.475	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
229	6411	8.476	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
230	6412	8.477	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
231	6416	8.481	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi điều trị các chứng đau
232	6417	8.482	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi điều trị cảm cúm
233	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết bằng tay
234	6419	8.484	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết bằng máy
235	6420	8.485	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi
236	12474	BS_10.1273	10. NGOẠI KHOA	Cắt phimosis
237	12477	BS_10.1276	10. NGOẠI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
238	14737	17.7	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng các dòng điện xung
239	14738	17.8	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng siêu âm

240	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
241	14756	17.26	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
242	14761	17.31	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
243	14762	17.32	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
244	14763	17.33	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
245	14764	17.34	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
246	14765	17.35	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập lăn trở khi nằm
247	14766	17.36	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
248	14767	17.37	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
249	14768	17.38	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
250	14769	17.39	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
251	14770	17.40	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập dáng đi
252	14777	17.47	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập lên, xuống cầu thang
253	14778	17.48	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)
254	14779	17.49	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đi với chân giả trên gối
255	14780	17.50	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập đi với chân giả dưới gối
256	14782	17.52	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động thụ động
257	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp
258	14784	17.54	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động chủ động
259	14785	17.55	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động tự do tứ chi
260	14786	17.56	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có kháng trở
261	14787	17.57	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập kéo giãn

262	14795	17.65	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập với ròng rọc
263	14796	17.66	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập với dụng cụ quay khớp vai
264	14800	17.70	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
265	14803	17.73	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập các kiểu thở
266	14804	17.74	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
267	14805	17.75	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập ho có trợ giúp
268	14806	17.76	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
269	14807	17.77	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
270	14808	17.78	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
271	14815	17.85	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật xoa bóp vùng
272	14816	17.86	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
273	14818	17.88	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý
274	14819	17.89	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình
275	14820	17.90	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập điều hợp vận động
276	14823	17.93	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
277	14824	17.94	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
278	14827	17.97	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập phối hợp hai tay
279	14828	17.98	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập phối hợp tay mắt
280	14829	17.99	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập phối hợp tay miệng
281	14830	17.100	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
282	14831	17.101	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập điều hòa cảm giác
283	14832	17.102	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập tri giác và nhận thức

284	14833	17.103	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) với các dụng cụ trợ giúp thích nghi
285	14842	17.112	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng người khuyết tật
286	14843	17.113	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng tim mạch
287	14844	17.114	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng hô hấp
288	14845	17.115	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng tâm lý
289	14846	17.116	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
290	14847	17.117	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
291	14848	17.118	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng dáng đi
292	14849	17.119	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng thăng bằng
293	14850	17.120	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
294	14857	17.127	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi
295	14871	17.141	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
296	14872	17.142	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
297	14874	17.144	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
298	14875	17.145	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
299	14876	17.146	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
300	14891	17.161	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị chườm ngải cứu
301	14897	17.167	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động cột sống
302	14898	17.168	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy
303	14899	17.169	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu
304	14900	17.170	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)
305	14901	17.171	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi)

306	14902	17.172	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập dưỡng sinh
307	14907	17.177	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
308	14908	17.178	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ
309	14914	17.184	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật thư giãn
310	14941	17.211	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi
311	14942	17.212	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói cho người cao tuổi
312	14949	17.219	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II
313	14979	17.249	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kéo nắn, kéo giãn cột ống, các khớp
314	14980	17.250	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập do cứng khớp
315	14981	17.251	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp
316	15065	18.81	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)
317	17132	BS_22.697	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian đông máu
318	17247	23.41	23. HÓA SINH	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)
319	17395	23.189	23. HÓA SINH	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine) [niệu]
320	17450	23.244	23. HÓA SINH	Phản ứng CRP

Tổng số danh mục kỹ thuật đồng ý phê duyệt: 320 kỹ thuật

Phụ lục 02**DANH MỤC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH GIẢM BỚT
ĐỐI VỚI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ SƠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của
Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng)

TT	STT theo TT 23/2024/ TT- BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật	Quyết định phê duyet DMKTtrước đây
1	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tăng sinh mô nhiễm khuẩn	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
2	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
3	13378	13.53	13. PHỤ SẢN	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
4	13379	13.54	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe tăng sinh mô	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
5	13473	13.148	13. PHỤ SẢN	Lấy dị vật âm đạo	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
6	13475	13.150	13. PHỤ SẢN	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh mô	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
7	13476	13.151	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe tuyến Bartholin	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
8	13479	13.154	13. PHỤ SẢN	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
9	13480	13.155	13. PHỤ SẢN	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh mô	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
10	13488	13.163	13. PHỤ SẢN	Trích áp xe vú	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
11	13489	13.164	13. PHỤ SẢN	Khám nam khoa	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025

12	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
13	13491	13.166	13. PHỤ SẢN	Soi cổ tử cung	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
14	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
15	13499	13.174	13. PHỤ SẢN	Cắt u vú lành tính	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
16	13500	13.175	13. PHỤ SẢN	Bóc nhân xơ vú	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
17	13521	13.196	13. PHỤ SẢN	Khám sơ sinh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
18	13522	13.197	13. PHỤ SẢN	Chăm sóc rốn sơ sinh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
19	13523	13.198	13. PHỤ SẢN	Tắm sơ sinh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
20	13524	13.199	13. PHỤ SẢN	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
21	13525	13.200	13. PHỤ SẢN	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
22	13567	BS_13.242	13. PHỤ SẢN	Theo dõi tim thai	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
23	13573	BS_13.248	13. PHỤ SẢN	Cấy - tháo thuốc tránh thai	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
24	17698	24.117	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
25	17703	24.122	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
26	17708	24.127	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBcAb test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025

27	17711	24.130	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAg test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
28	17714	24.133	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAb test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
29	17764	24.183	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
30	17766	24.185	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgA test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
31	17768	24.187	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025
32	17955	BS_24.374	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Xét nghiệm SARS- CoV-2 Ag test nhanh	Quyết định số 743/QĐ-SYT ngày 20/6/2025

Tổng số kỹ thuật điều chỉnh giảm bớt: 32 kỹ thuật